

**PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH CÁC TIÊU CHÍ TẠI BỘ TIÊU CHÍ ĐỂ XEM XÉT,  
QUYẾT ĐỊNH THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG  
KHU KINH TẾ VÂN PHONG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-KKTKCN ngày /3/2026  
của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa)

**1. Các nội dung điều chỉnh:**

Tiêu chí Hạ tầng KCN, khu phi thuế quan  $\geq 4.200$  tỷ đồng tại mục 2.2 Tiêu chí 2. Quy mô đầu tư tại các Bảng 1 và Bảng 2 của Bộ tiêu chí để xem xét, quyết định thời hạn hoạt động dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-KKTKCN ngày 08/8/2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa được điều chỉnh thành:

- Hạ tầng khu công nghiệp  $\geq 3.800$  tỷ đồng;
- Hạ tầng khu phi thuế quan  $\geq 4.200$  tỷ đồng.

**2. Nội dung tiêu chí cụ thể sau khi điều chỉnh:**

**2.1. Bộ tiêu chí áp dụng cho dự án chưa đi vào hoạt động:**

**BẢNG 1. BỘ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN CHƯA ĐI VÀO  
HOẠT ĐỘNG**

(Áp dụng cho dự án cấp mới hoặc đã được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/  
Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động)

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
<b>1. Mục tiêu đầu tư (điểm tối đa 30đ)</b>	- <b>Nhóm 1:</b> các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	30đ
	- <b>Nhóm 2:</b> các dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 36a Luật Đầu tư.	25đ
	- <b>Nhóm 3:</b> các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và không thuộc các dự án nhóm 1 và nhóm 2 trên.	20đ

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm																				
<b>2. Quy mô đầu tư (điểm tối đa 25đ)</b>	2.1. Các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ																				
	2.2. Các dự án thuộc nhóm 2, nhóm 3 tại Mục 1 trên. <table border="1" data-bbox="432 501 1098 1234" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th data-bbox="432 501 810 600" style="text-align: center;">Ngành</th> <th data-bbox="810 501 1098 600" style="text-align: center;">Tổng vốn đầu tư tối thiểu<sup>1</sup></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="432 600 810 656">Đổi mới sáng tạo, R&amp;D</td> <td data-bbox="810 600 1098 656" style="text-align: center;">≥ 1.000 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 656 810 754">Logistics, cảng biển, sân bay</td> <td data-bbox="810 656 1098 754" style="text-align: center;">≥ 2.000 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 754 810 810">Hạ tầng khu công nghiệp</td> <td data-bbox="810 754 1098 810" style="text-align: center;">≥ 3.800 tỷ đồng<sup>2</sup></td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 810 810 866">Hạ tầng khu phi thuế quan</td> <td data-bbox="810 810 1098 866" style="text-align: center;">≥ 4.200 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 866 810 965">Công nghiệp chế biến, chế tạo</td> <td data-bbox="810 866 1098 965" style="text-align: center;">≥ 4.200 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 965 810 1021">Du lịch nghỉ dưỡng</td> <td data-bbox="810 965 1098 1021" style="text-align: center;">≥ 10.000 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 1021 810 1120">Trung tâm thương mại, tài chính</td> <td data-bbox="810 1021 1098 1120" style="text-align: center;">≥ 10.000 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 1120 810 1176">Khu đô thị</td> <td data-bbox="810 1120 1098 1176" style="text-align: center;">≥ 10.000 tỷ đồng</td> </tr> <tr> <td data-bbox="432 1176 810 1234">Và các ngành nghề khác</td> <td data-bbox="810 1176 1098 1234" style="text-align: center;">≥ 6.000 tỷ đồng</td> </tr> </tbody> </table>	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu <sup>1</sup>	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng	Hạ tầng khu công nghiệp	≥ 3.800 tỷ đồng <sup>2</sup>	Hạ tầng khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng	Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng	Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng	
	Ngành	Tổng vốn đầu tư tối thiểu <sup>1</sup>																				
	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng																				
	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng																				
	Hạ tầng khu công nghiệp	≥ 3.800 tỷ đồng <sup>2</sup>																				
	Hạ tầng khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng																				
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng																				
	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng																				
	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng																				
Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng																					
Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng																					
<b>Nhóm 1:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư ≥ 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	20đ																					
<b>Nhóm 2:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư từ 70% đến dưới 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	15đ																					
<b>Nhóm 3:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	10đ																					
<b>3. Địa điểm đầu tư (điểm tối đa 5đ)</b>	Thuộc địa bàn KKT Vân Phong, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai.	5đ																				
<b>4. Yêu cầu hoạt động dự án (điểm tối đa 40đ)</b>																						

<sup>1</sup> Tổng vốn đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

<sup>2</sup> Tổng vốn đầu tư có tỷ lệ tương ứng với diện tích 500 ha.

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
<b>4.1. Năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư</b>	- <b>Nhóm 1:</b> Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	20đ
	- <b>Nhóm 2:</b> Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư $\geq 70\%$ mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	15đ
	- <b>Nhóm 3:</b> Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	10đ
<b>4.2. Thời gian thu hồi vốn</b>	Thời gian thu hồi vốn của dự án $\geq 15$ năm.	5đ
<b>4.3. Hiệu quả kinh tế - xã hội</b>	- Cam kết tạo nhiều việc làm ( $\geq 500$ lao động).	5đ
<b>4.4. Môi trường</b>	- Cam kết đầu tư và sử dụng năng lượng tái tạo.	5đ
	- Cam kết xây dựng công trình hiệu quả năng lượng, công trình tiết kiệm tài nguyên, công trình xanh.	5đ
<b>5. Điểm cộng, điểm trừ</b>		
<b>5.1. Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án</b>	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 15\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+5đ
	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 30\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+10đ
<b>5.2. Tuân thủ quy định của pháp luật</b>	Sự tuân thủ pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ (đối với trường hợp dự án đã được cấp phép đầu tư nhưng chưa đi vào hoạt động).	Mỗi trường hợp vi phạm -5đ.
<b>TỔNG ĐIỂM (100 điểm)</b> (chưa bao gồm điểm cộng, điểm trừ)		

**2.2. Bộ tiêu chí áp dụng cho dự án đã đi vào hoạt động đề nghị điều chỉnh:**

**BẢNG 2. BỘ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG CHO DỰ ÁN ĐÃ ĐI VÀO  
HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Nội dung chi tiết</b>	<b>Thang điểm</b>
<b>1. Mục tiêu đầu tư (điểm tối đa 25đ)</b>	- <b>Nhóm 1:</b> các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ
	- <b>Nhóm 2:</b> các dự án thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 36a Luật Đầu tư.	20đ
	- <b>Nhóm 3:</b> các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và không thuộc các dự án nhóm 1 và nhóm 2 trên.	15đ
<b>2. Quy mô đầu tư (điểm tối đa 25đ)</b>	2.1. Các dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong tại khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	25đ
	2.2. Các dự án thuộc nhóm 2, nhóm 3 tại Mục 1 trên.	
	<b>Ngành</b>	<b>Tổng vốn đầu tư tối thiểu<sup>3</sup></b>
	Đổi mới sáng tạo, R&D	≥ 1.000 tỷ đồng
	Logistics, cảng biển, sân bay	≥ 2.000 tỷ đồng
	Hạ tầng khu công nghiệp	≥ 3.800 tỷ đồng <sup>4</sup>
	Hạ tầng khu phi thuế quan	≥ 4.200 tỷ đồng
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	≥ 4.200 tỷ đồng
	Du lịch nghỉ dưỡng	≥ 10.000 tỷ đồng
	Trung tâm thương mại, tài chính	≥ 10.000 tỷ đồng
	Khu đô thị	≥ 10.000 tỷ đồng
Và các ngành nghề khác	≥ 6.000 tỷ đồng	
<b>Nhóm 1:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư ≥ 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	20đ	

<sup>3</sup> Tổng vốn đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

<sup>4</sup> Tổng vốn đầu tư có tỷ lệ tương ứng với diện tích 500 ha.

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
	<b>Nhóm 2:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư từ 70% đến dưới 100% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	15đ
	<b>Nhóm 3:</b> các dự án có tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư tối thiểu nêu trên.	10đ
<b>3. Địa điểm đầu tư (điểm tối đa 5đ)</b>	Thuộc địa bàn KKT Vân Phong, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đất đai.	5đ
<b>4. Yêu cầu hoạt động dự án (điểm tối đa 45đ)</b>		
<b>4.1 Năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư</b>	- <b>Nhóm 1:</b> Nhà đầu tư đáp ứng điều kiện nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 55/2022/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội.	20đ
	- <b>Nhóm 2:</b> Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư $\geq 70\%$ mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	15đ
	- <b>Nhóm 3:</b> Có kinh nghiệm thực hiện tối thiểu 01 dự án tương tự hoặc tương đương ở Việt Nam hoặc nước ngoài, đã đi vào hoạt động hoặc đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn, với quy mô tổng vốn đầu tư từ 50% đến dưới 70% mức tổng vốn đầu tư của nhóm dự án thuộc Mục 2.2 trên.	10đ
<b>4.2 Hiệu quả kinh tế - xã hội</b>	- Đóng góp vào ngân sách nhà nước (không bao gồm tiền thuê đất) năm trước liền kề $\geq 300$ tỷ đồng/năm.	10đ
	- Tạo nhiều việc làm ( $\geq 500$ lao động).	10đ
<b>4.3 Môi trường</b>	- Có tài liệu chứng minh dự án đã áp dụng công nghệ sạch, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.	5đ
<b>5. Điểm cộng, điểm trừ</b>		
<b>5.1. Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án</b>	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 15\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+5đ

Tiêu chí	Nội dung chi tiết	Thang điểm
	- Tỷ lệ đất cây xanh trong dự án $\geq 30\%$ tỷ lệ đất cây xanh quy định về loại dự án tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD hoặc so với tỷ lệ đất cây xanh quy định tại quy hoạch phân khu được duyệt.	+10đ
<b>5.2. Tỷ lệ giải ngân</b>	Nhà đầu tư đã thực hiện giải ngân $\geq 50\%$ tổng vốn đầu tư dự án.	+5đ.
<b>5.3. Tuân thủ quy định của pháp luật</b>	Sự tuân thủ pháp luật về đầu tư, đất đai, môi trường, xây dựng trong vòng 2 năm kể từ thời điểm nộp hồ sơ.	Mỗi trường hợp vi phạm -5đ.
	<b>TỔNG ĐIỂM (100 điểm)</b> (chưa bao gồm điểm cộng, điểm trừ)	